

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, KBC

[Cập nhật công ty]

PAN, DGW

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng ngắn hạn quanh ngưỡng hỗ trợ đã đề cập nhưng không chế tỷ trọng ở mức an toàn.

08/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	981.65	+0.66
VN30	980.09	+0.74
HĐTL VN30F1M	972.10	+2.33
HNXIndex	199.77	+0.61
HNX30	325.65	+1.85
UPCoM	72.28	+0.04
USD/VND	24,853	-0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.89	-6
Lãi suất qua đêm (%)	5.14	-19
Dầu (WTI, \$)	91.55	-0.26
Vàng (LME, \$)	1,668.93	-0.40



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 981.65 (+0.66%)
KLGD (triệu CP) 660.7 (+35.8%)
GTGD (triệu US\$) 417.4 (-1.7%)

HNXIndex 199.77 (+0.61%)
KLGD (triệu CP) 56.9 (-18.0%)
GTGD (triệu US\$) 27.1 (-23.1%)

UPCoM 72.28 (+0.04%)
KLGD (triệu CP) 20.7 (-18.9%)
GTGD (triệu US\$) 10.6 (-8.1%)

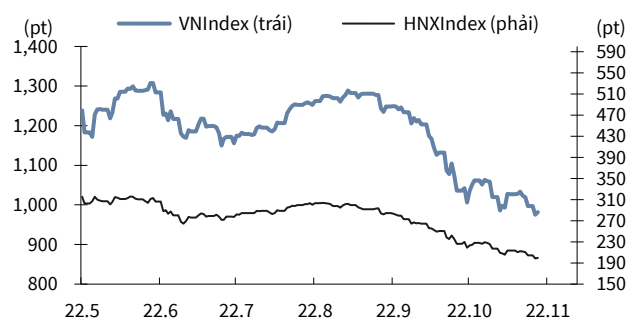
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +25.5

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán, với thanh khoản tăng cao. Khối ngoại tiếp tục mua ròng ở KDH (+1.8%), POW (6.7%), DGC (+0.9%).

Nhiều doanh nghiệp bất động sản như Novaland, Him Lam, Hưng Thịnh, Sơn Kim Land... họp cùng Chính Phủ và Bộ Xây dựng để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thị trường bất động sản, cổ phiếu bất động sản tăng điểm ở NTL (+6.9%), CEO (+3.6%), KDH (+1.8%).

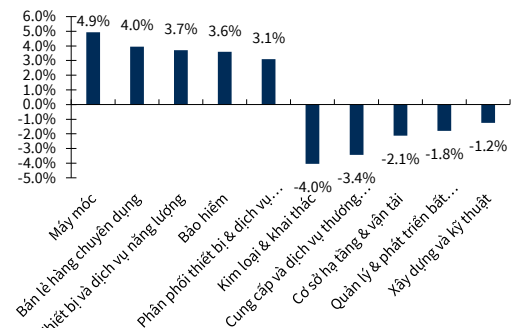
Các công ty chứng khoán đồng loạt điều chỉnh tăng lãi suất cho vay ký quỹ (margin) lên dao động trong khoảng 13-15%/năm trong bối cảnh dư nợ cho vay margin toàn thị trường đã tăng trở lại trong quý 3/2022. Cổ phiếu ngành chứng khoán tăng điểm ở MBS (+5.4%), SSI (+4.9%), HCM (+4.4%).

VNIndex & HNXIndex



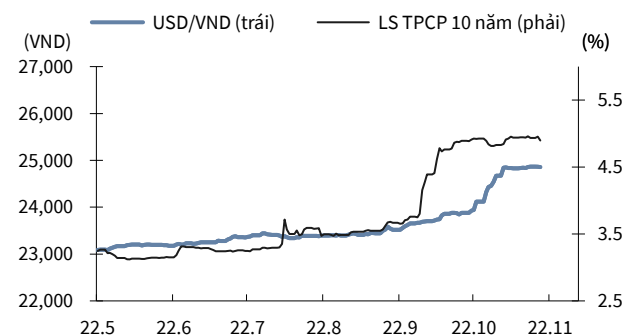
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



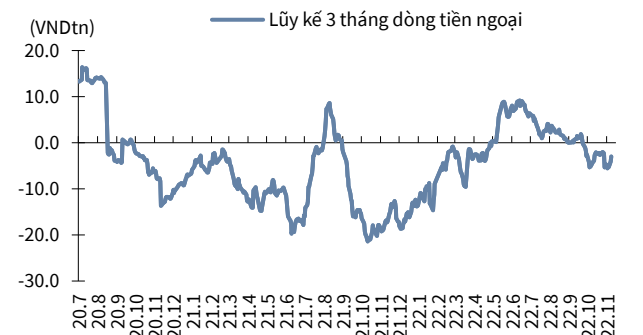
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

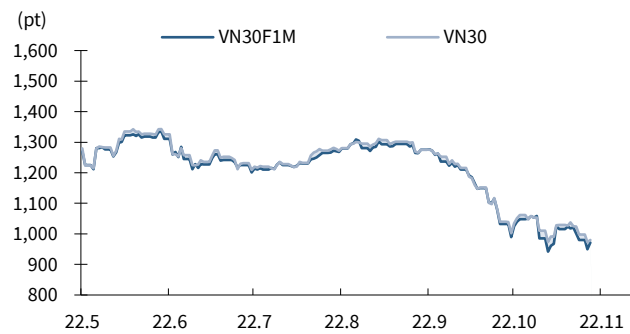
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	980.09 (+0.74%)
VN30F1M	972.1 (+2.33%)
Mở cửa	945.1
Cao nhất	985.5
Thấp nhất	935.0

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2211 và chỉ số VN30 giảm xuống mức thấp nhất -32 điểm trong đầu phiên sau đó thu hẹp dần và biến động trong biên độ -14 và 5.2 điểm, đóng cửa ở mức -7.9. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

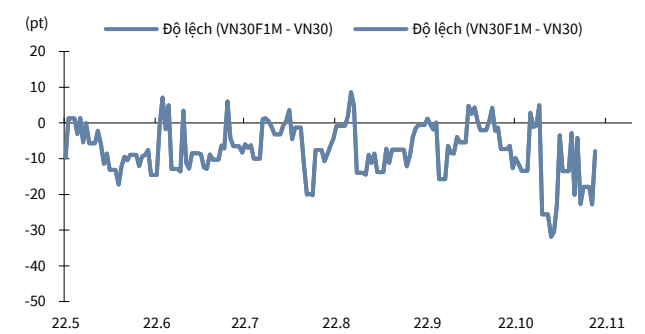
KLGD (HĐ) **440,592 (+1.4%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



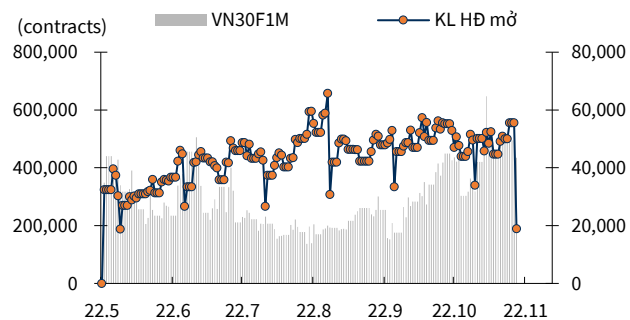
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



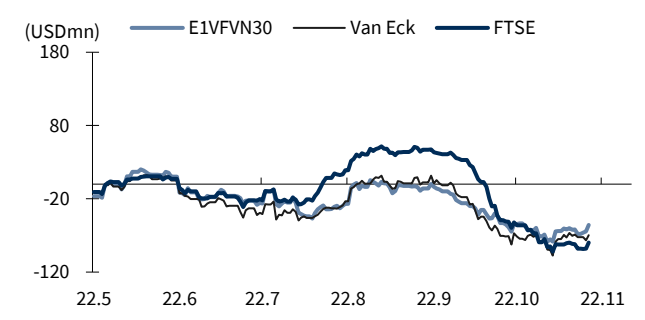
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

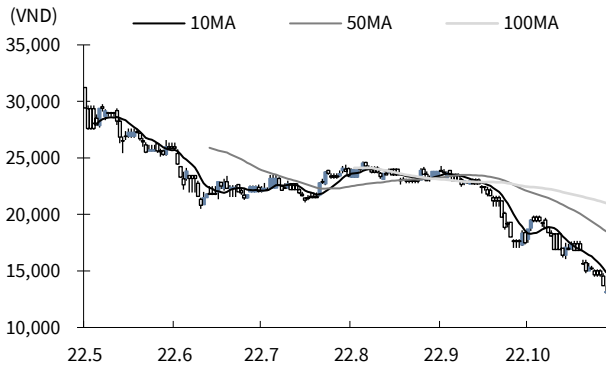
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

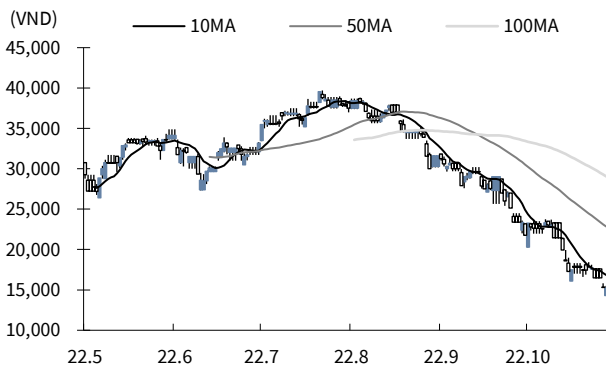
CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 4.01% xuống 13,150 VND/cp
- Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất thông báo kể từ tháng 11/2022, hai lò cao ở Khu liên hợp Sản xuất Gang thép Hòa Phát Dung Quất và hai lò cao ở Khu liên hợp Sản xuất Gang thép Hòa Phát Hải Dương phải dừng hoạt động, do thị trường thép đang trong giai đoạn suy giảm.
- Đến đầu tháng 12, Hòa Phát có khả năng sẽ tạm dừng thêm một lò cao nữa ở Khu liên hợp Dung Quất.

Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC giảm 0.65% xuống 15,250 VND/cp
- Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc công bố đã nhận được Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 4/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Châu mở rộng tỉnh Bắc Giang với vốn đầu tư 996 tỷ đồng, thời gian hoạt động từ ngày cấp quyết định cho đến 05/07/2057.

CTCP Tập đoàn PAN (PAN)

Sớm hoàn thành kế hoạch năm 2022

Chúng tôi vừa tham gia sự kiện Analyst Meeting quý 3/2022 của CTCP Tập đoàn PAN và ghi nhận thông tin về KQKD 9 tháng năm 2022, cũng như những triển vọng của doanh nghiệp trong thời gian tới.

Kết quả kinh doanh Q3/2022 và 9T2022

- Doanh thu thuần hợp nhất trong quý 3 đạt 3,586 tỷ đồng (+40% YoY), LNST đạt 142 tỷ đồng (+94% YoY). Như vậy, CTCP Tập đoàn PAN đã hoàn thành 68% kế hoạch doanh thu và 71% kế hoạch LNST với doanh thu thuần và LNST lũy kế 9T2022 đạt lần lượt 9,756 tỷ đồng (+52%) và 539 tỷ đồng (+133%).
- KQKD cao trong quý 3 chủ yếu được đóng góp từ các công ty thành viên khi VFG tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao kể từ sau khi ký kết hợp tác với Syngenta; mảng kinh doanh bánh kẹo của Bibica (BBC) hồi phục mạnh mẽ, doanh thu gấp 3 lần so với cùng kỳ. Ngoài ra, mảng tôm xuất khẩu ghi nhận lợi nhuận tăng 40% YoY do vẫn tận dụng được những hợp đồng giá cao đã ký từ đầu năm.
- Cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch khi mảng nông nghiệp (có biên lợi nhuận cao) chiếm tỷ trọng lớn nhất. Do vậy, biên lợi nhuận gộp 3Q2022 cải thiện lên mức 18.9%, tăng mạnh từ mức 15.9% cùng kỳ và khôi phục lại gần mức trước khi có dịch Covid-19.

Ngành nông nghiệp vượt qua khó khăn đón mùa vụ cao điểm, thủy sản còn nhiều thách thức trong quý 4

- Doanh thu giống cây trồng và gạo giảm 24.2% trong quý 3 do: (1) biến đổi khí hậu khiến mùa vụ kinh doanh của Vinaseed lùi từ tháng 9 sang tháng 10; (2) sự cố nhà máy Vinarice làm gián đoạn sản lượng quý 3. Hiện sự cố nhà máy đã được khắc phục và hoạt động trở lại từ tháng 9. Mặc dù doanh thu giảm đáng kể, song biên LN gộp chỉ giảm hơn 9% do cơ cấu mảng giống cây trồng (có biên LN cao) vẫn duy trì đóng góp 70% doanh thu của Vinaseed. BLĐ đánh giá những khó khăn trong quý 3 chỉ mang tính chất tạm thời, Vinaseed sẽ sớm hoàn thành kế hoạch năm 2022 do chuẩn bị bước vào mùa vụ cao điểm trong quý 4.
- Lĩnh vực khử trùng & thuốc BTV của VFG trong quý 3 ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 84% YoY, động lực chủ yếu đến từ hệ thống phân phối của Syngenta. Cũng trong quý này, VFG đã trả hết công nợ nhập khẩu hàng tồn kho của Syngenta, qua đó giúp công ty tránh được biến động của tỷ giá, đồng thời hưởng được mức chiết khấu thanh toán (hơn 6%) của đối tác.
- Mảng tôm xuất khẩu 9T2022 doanh thu tăng trưởng 19.6% YoY, riêng trong quý 3 chỉ tăng 7.8% YoY, phản ánh khó khăn của thị trường khi cầu tiêu dùng tại Mỹ và châu Âu giảm mạnh trong bối cảnh lạm phát cao. Dù vậy, LNST quý 3 tăng trưởng mạnh mẽ 25.4% YoY do: (1) FMC vẫn tận dụng được những hợp đồng giá cao ký kết từ đầu năm nay; (2) FMC sử dụng nguồn nguyên liệu tại vùng nuôi (15% sản lượng tôm đầu vào) với chi phí nuôi thấp, hiệu quả hơn so với thu mua bên ngoài. Mảng kinh doanh cá tra tăng trưởng gấp đôi, hưởng lợi từ việc các sản phẩm thay thế (cá minh thái, cá rô phi) đang hạn chế nguồn cung.

CTCP Thế giới số (DGW)

Duy trì mức tăng trưởng khả quan trong quý 3

Chúng tôi đã tham dự sự kiện Analyst Meeting Q3/2022 và ghi nhận một số thông tin về KQKD 9T2022 cũng như triển vọng của DGW trong thời gian tới.

Kết quả kinh doanh Q3/2022 và 9 tháng đầu năm

- KQKD quý 3 tăng trưởng tích cực với doanh thu thuần đạt 6,050 tỷ đồng (+59% YoY), và LNST đạt 180 tỷ đồng (+68% YoY). Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022, DGW đã hoàn thành 68% kế hoạch doanh thu với 17,984 tỷ đồng (+38% YoY), và 66% kế hoạch LNST với 528 tỷ đồng (+60 YoY).
- Quý 3 là quý cao điểm của thị trường laptop, mặc dù nhu cầu tiêu dùng có sự sụt giảm, song doanh thu của mảng này ghi nhận tăng trưởng 33% YoY. Các sản phẩm ĐTDĐ tăng trưởng mạnh mẽ 74% nhờ sự gia tăng thị phần của Xiaomi và đóng góp doanh thu từ các dòng iPhone.
- Doanh thu của nhóm hàng thiết bị văn phòng tăng gấp đôi so với cùng kỳ, trong khi nhóm hàng tiêu dùng giảm 22% do nhu cầu suy giảm trong quý này. Từ quý 3/2022, DGW cũng ghi nhận thêm doanh thu của 2 thương hiệu mới là Whirlpool và TV Xiaomi.
- Trong bối cảnh diễn biến tỷ giá phức tạp, DGW đã có những biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro như thanh toán ngay với các nhà cung cấp để được hưởng mức chiết khấu, hạn chế nợ USD. BLĐ cũng cho biết sẽ chuyển một phần biến động tỷ giá sang khách hàng, tuy nhiên chúng tôi cho rằng việc **tăng giá sản phẩm có thể làm cầu tiêu dùng sụt giảm**.

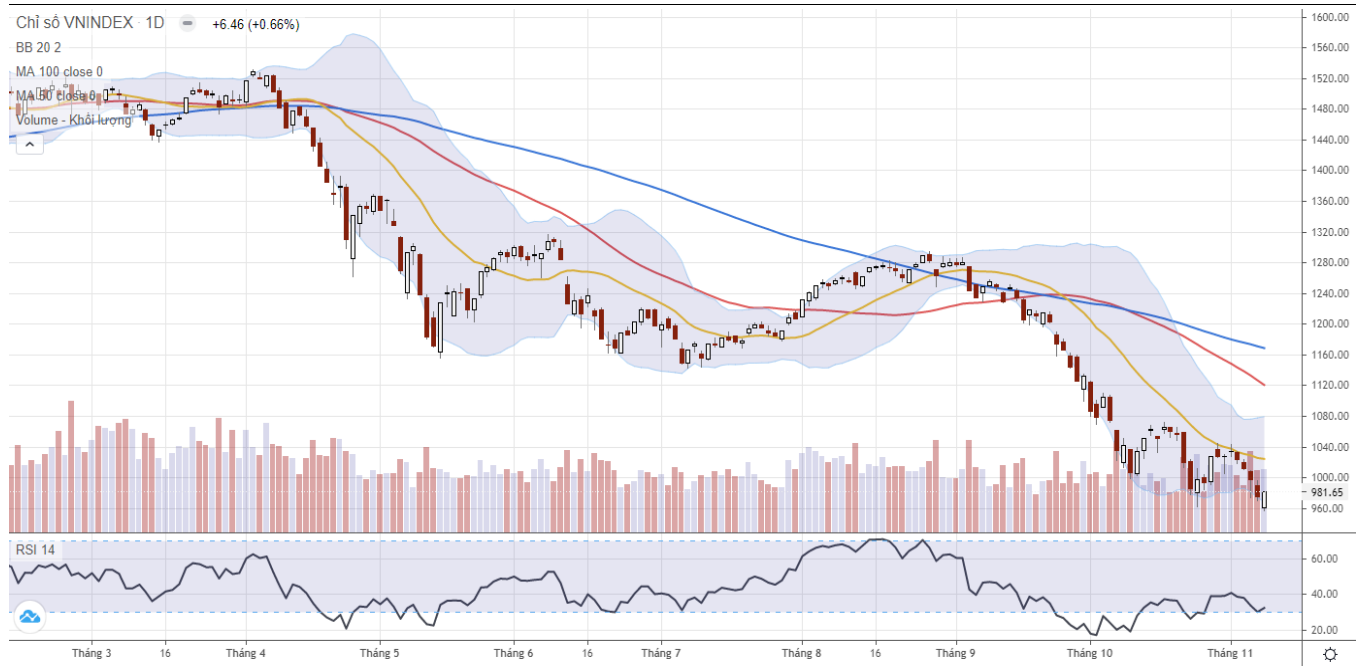
Tiếp tục mở rộng theo chiều ngang thông qua việc hợp tác thêm nhiều đối tác mới

- Trong quý 3, DGW đã bắt đầu phân phối sản phẩm điện thoại của TCL và sản phẩm thiết bị gia dụng của Whirlpool (tủ lạnh, máy giặt, máy sấy, tivi...). Bên cạnh đó, công ty cũng hoàn tất giao dịch mua 49% cổ phần của công ty Achison Việt Nam, đây là công ty chuyên phân phối các sản phẩm bảo hộ lao động và thiết bị công nghiệp. BLĐ đánh giá ngành hàng này có nhiều tiềm năng ở thị trường Việt Nam, mục tiêu doanh thu của Achison cho năm sau là trên 1,000 tỷ đồng.
- Hiện DGW cũng đang phát triển kênh B2B, kết hợp với chủ đầu tư của các dự án bất động sản để bán các sản phẩm đồ gia dụng (home appliance). Theo đó, công ty sẽ tham gia thầu các chủ đầu tư khi họ cung cấp những căn hộ hoàn thiện 100%. Tuy nhiên xu thế giao nhà hoàn thiện vẫn chưa phổ biến, chủ yếu là giao nhà thô nên DGW sẽ tập trung vào việc tận dụng database khách hàng của chủ đầu tư nhiều hơn.
- Đối với mảng dược phẩm, công ty cho biết vẫn đang tiếp tục làm việc với các đối tác, song hiện vẫn có vướng mắc về giấy phép. Dự kiến mảng dược phẩm sẽ tăng trưởng mạnh mẽ từ cuối năm 2023, tiến tới mục tiêu đưa mảng dược của DGW vào Top 3.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp và đảo chiều tăng điểm đến cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ gần quanh 95x đã cho phản ứng và giúp cho chỉ số hồi phục trở lại sau nhịp chớm phá đáy ngắn hạn trong phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua những nhịp rung lắc giằng co với vùng kháng cự gần được đặt quanh 98x và tích cực hơn là 100x.
- NĐT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng ngắn hạn quanh ngưỡng hỗ trợ đã đề cập nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1002 - 1007

Kháng cự gần: 985 - 990

Hỗ trợ gần: 955 - 958

Hỗ trợ xa: 934 - 939

— Sau nhịp rung lắc đầu phiên, F1 sớm hồi phục và mở rộng đà tăng điểm đến cuối phiên.

— Lực bán suy yếu cùng với lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên giúp cho chỉ số sớm lấy lại ngưỡng hỗ trợ gần quanh 950. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm vẫn đóng vai trò chủ đạo, F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua những nhịp rung lắc giằng co với vùng kháng cự gần được đặt quanh 990 và tích cực hơn là 1010.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

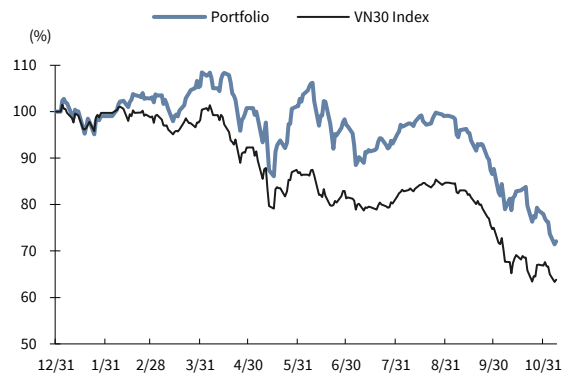
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.74%	0.96%
Tăng lũy kế (YTD)	-36.18%	-27.88%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	44,600	4.1%	10.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	17,300	2.4%	-40.7%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,900	1.5%	24.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	132,000	0.0%	-31.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	69,800	1.9%	131.7%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	73,300	1.0%	199.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	23,850	2.1%	23.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	114,400	1.3%	53.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	13,150	-4.0%	23.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	15,250	-0.7%	49.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KDH	1.8%	28.9%	101.0
POW	6.7%	3.0%	56.0
DGC	0.9%	15.4%	52.5
VNM	0.2%	55.5%	49.7
SSI	4.9%	34.1%	37.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CTG	2.1%	26.9%	-55.2
VIC	-0.2%	12.2%	-34.3
HSG	-7.0%	6.2%	-31.4
HDB	1.1%	18.1%	-29.0
FUESSVFL	1.6%	95.4%	-23.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	6.5%	12.0%	93.7
IDC	1.8%	0.4%	5.3
PVI	0.3%	58.8%	1.6
CEO	3.6%	0.1%	1.2
TNG	2.9%	4.7%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-4.8%	3.0%	-0.9
SHS	4.2%	5.6%	-0.3
PVC	2.3%	0.5%	-0.2
IVS	4.1%	71.9%	-0.0
PBP	8.0%	0.1%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	5.1%	TDP, SVI, MCP, TPC
Tiện ích khí	4.0%	GAS, PGD, PMG
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	3.2%	PVD, PVT
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	1.2%	TNH, JVC, VMD
Vận tải hàng không & Logistics	0.9%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	-15.3%	VGC, BMP, SHI, DAG
Kim loại & khai thác	-12.5%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	-12.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-12.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Tiện ích điện	-11.1%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích khí	12.1%	GAS, PGD, PMG
Thực phẩm	9.8%	VNM, MSN, KDC, VHC
Ngân hàng	7.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Bảo hiểm	4.1%	BVH, MIG, BIC, BMI
Vận tải hàng không & Logistics	2.7%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	-24.9%	HPG, HSG, NKG, KSB
Sản phẩm xây dựng	-23.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	-23.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
Xây dựng và kỹ thuật	-23.1%	DIG, HDG, VCG, PC1
Tiện ích điện	-19.2%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	75,449 (3.1)	22.5	21.7	20.3	14.7	8.8	9.2	2.0	1.8	-0.2	-3.8	-	-44.0	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	145,694 (5.9)	26.6	6.2	5.1	35.9	22.2	22.0	1.3	1.1	-0.2	-2.7	18.6	-46.6	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	34,759 (1.4)	17.8	22.2	15.8	-7.6	8.1	10.6	1.8	1.6	-1.0	-3.8	-2.9	-16.1	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	129,290 (5.3)	31.3	18.4	15.4	6.7	14.1	15.2	2.5	2.2	-7.0	-	25.9	34.3	-43.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	46,211 (1.9)	11.6	10.2	9.8	13.7	13.0	12.4	1.2	1.1	1.8	11.0	18.8	-56.2	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	114,704 (4.7)	13.9	7.1	5.6	-	10.4	11.5	0.6	0.5	-6.8	-	23.6	-	-68.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	82,659 (3.4)	6.3	12.9	10.9	11.7	22.0	22.0	2.5	2.1	1.1	-3.2	8.8	-7.9	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	50,539 (2.1)	12.7	12.3	9.9	-5.3	17.4	18.5	1.8	1.5	4.8	2.5	19.5	-5.9	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	211,748 (8.7)	0.0	4.0	3.4	14.3	20.9	19.5	0.7	0.6	1.7	-5.8	11.4	-51.7	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	148,204 (6.0)	1.4	6.4	5.5	50.3	18.5	19.6	1.1	1.0	2.1	-2.5	19.5	-29.6	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	237,187 (9.6)	0.0	6.2	6.2	18.8	19.7	16.9	1.1	0.9	0.6	0.0	12.1	-27.9	
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	212,357 (8.6)	0.0	4.5	3.9	14.6	24.5	22.9	1.0	0.8	1.5	-4.4	1.5	-28.6	
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	39,908 (1.6)	4.2	4.7	4.1	23.3	23.1	21.6	1.0	0.8	1.0	12.7	16.9	-41.2	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	341,193 (13.9)	14.0	7.7	2.6	26.5	12.5	24.9	0.8	0.6	6.1	-2.7	-1.8	-47.8	
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	74,754 (3.0)	0.0	5.3	4.1	37.4	21.6	21.5	1.0	0.8	2.0	-6.0	-8.3	-50.1	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	37,675 (1.5)	0.2	14.1	12.0	27.3	16.0	16.2	1.8	1.6	-1.3	16.7	19.4	-11.0		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	39,510 (1.6)	21.0	17.7	14.5	15.8	9.9	11.5	1.6	1.6	3.9	-4.2	5.4	-9.3	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,545 (0.2)	14.2	10.4	9.3	9.1	12.8	13.6	1.1	1.1	2.0	14.4	-7.3	-52.3	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	295,593 (12.0)	55.4	9.0	8.2	-3.2	15.2	13.1	-	-	4.9	11.5	10.7	-69.2	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	181,476 (7.4)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	3.9	-8.5	-0.4	-56.8	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	98,926 (4.0)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	4.4	-3.1	4.4	-55.7	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	282,855 (11.5)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	1.9	-9.7	25.3	-68.0	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	150,286 (6.1)	42.1	19.8	17.7	4.0	27.4	29.5	5.0	4.8	0.2	2.7	18.1	-4.6	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,552 (1.2)	36.9	23.5	20.3	7.3	22.4	22.9	4.9	4.3	-0.5	-0.3	-2.1	21.2	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	113,236 (4.6)	16.5	22.7	16.3	-51.9	14.5	17.6	3.2	2.7	1.8	-0.6	5.5	-39.6	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,958 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	4.6	-0.2	15.3	-66.5	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	27,344 (1.1)	11.0	42.4	26.9	-88.5	7.5	16.4	-	-	0.2	-5.6	12.7	-21.7	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	38,112 (1.5)	10.8	15.7	14.1	-57.0	13.7	13.9	2.0	1.9	-2.7	0.8	-1.8	-1.5	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	67,465 (2.7)	38.4	5.0	26.8	65.7	14.3	2.4	0.6	0.7	2.8	-8.2	19.4	-68.8	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	151,533 (6.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	3.5	12.7	23.5	-71.2	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	21,421 (0.9)	3.6	31.0	6.2	-52.4	1.0	4.8	-	-	-7.0	18.6	28.0	-68.9	
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	43,167 (1.8)	0.0	9.8	9.7	-4.5	16.4	15.3	1.4	1.2	1.9	-9.4	-5.0	16.2	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	39,991 (1.6)	46.1	15.7	16.7	-17.5	24.5	21.0	3.8	3.4	1.3	4.0	12.2	18.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	34,133 (1.4)	31.4	8.9	8.7	-10.5	18.2	16.8	1.4	1.3	2.0	-	12.6	-13.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,256 (0.1)	34.1	15.2	6.9	-5.1	4.7	9.9	0.8	0.8	-3.4	-	12.2	-46.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	539,541 (21.9)	18.0	3.4	3.0	21.9	21.4	20.5	0.7	0.6	-4.0	-	12.3	-63.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	119,825 (4.9)	36.5	3.5	5.2	-0.5	40.1	23.5	1.2	1.1	1.8	-4.6	1.6	-16.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	149,595 (6.1)	46.5	4.5	6.8	-4.5	41.5	22.9	1.6	1.4	0.3	-9.9	3.9	-20.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	154,124 (6.3)	38.9	4.1	3.4	67.9	11.8	12.9	0.4	0.4	-7.0	-	17.3	-69.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	18,983 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.9	-9.8	14.6	-65.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	29,932 (1.2)	4.6	19.6	10.6	-51.0	6.3	11.7	1.2	1.9	2.1	1.2	-7.4	-45.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	173,566 (7.1)	39.9	122.1	15.8	-11.9	0.3	4.2	0.6	0.6	4.0	4.9	15.0	-24.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	26,695 (1.1)	35.9	7.3	7.3	2.2	13.1	12.2	-	0.7	3.3	0.6	-3.3	-28.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	163,665 (6.7)	0.0	11.7	8.6	14.4	24.5	28.2	2.2	1.8	4.1	11.0	17.4	-34.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	30,584 (1.2)	0.0	13.3	11.5	2.4	24.4	21.8	2.7	2.3	1.5	-4.6	-5.9	0.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,089 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	20.8	41.2	-63.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	145,989 (5.9)	30.3	16.5	13.2	-75.2	27.8	25.6	3.8	3.0	3.9	-8.3	16.5	10.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,414 (1.0)	34.6	6.7	5.6	41.2	29.6	25.2	1.6	1.4	6.9	0.0	12.9	-43.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	871 (0.0)	45.4	13.2	12.2	10.7	21.3	20.6	-	-	0.0	-1.8	-0.4	-25.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	84,322 (3.4)	0.0	14.8	12.2	15.5	28.4	29.2	3.8	3.3	1.0	-2.9	-0.9	-5.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.